TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC BÌNH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày 27-4-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, trả lại tài sản và buộc tháo dỡ, di dời tài sản trên đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Thanh Trúc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1-Bà Nguyễn Thị Phương Dung

2-Ông Bùi Tấn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hoàng B Vân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Vân-Kiểm sát viên

Trong các ngày 22 và 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2018, về tranh chấp quyền sử dụng đất, trả lại tài sản và buộc tháo dỡ, di dời tài sản trên đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020, Thông báo thời gian mở lại phiên tòa sơ thẩm số 01/TB-TA ngày 10/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 04/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tạ Thị C, sinh năm 1949 (có mặt);

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1967 (vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Thị X, sinh năm 1971 (vắng mặt);
2. Chị Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh năm 1994 (vắng mặt);
3. Anh Ức Xuân U, sinh năm 1992 (vắng mặt);
4. Anh Nguyễn Hoài Th1, sinh năm 1992 (vắng mặt);
5. Chị Ức Trao Nguyễn Nữ Tâm L, sinh năm 1993 (vắng mặt);
6. Anh Nguyễn Hoài Th2, sinh năm 1991 (vắng mặt);
7. Chị Huỳnh Thị Mỹ Ng, sinh năm 1993 (vắng mặt);

8. Ông Lư Hồng V1, sinh năm 1967 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Thôn BM, xã PH, huyện BB, tỉnh Bình Thuận
9. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1989 (vắng mặt);
10. Chị Bá Thị Ái Tr, sinh năm 1991 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Thôn BH, xã PH, huyện BB, tỉnh Bình Thuận
11. Bà Lư Thị Diệu H, sinh năm 1966 (vắng mặt);
12. Bà Lư Hồng Th3, sinh năm 1969 (vắng mặt);
13. Bà Lư Ngọc O, sinh năm 1974 (vắng mặt);
14. Ông Lư Hồng Tr1, sinh năm 1977 (có mặt);
15. Ông Lư Hồng H1, sinh năm 1980 (vắng mặt);
16. Ông Lư Tạ Hồng L1, sinh năm 1985 (có mặt);
17. Ông Lư Tạ Hồng Luận L2, sinh năm 1987 (vắng mặt);
18. Ông Lư Tạ Hồng Đ, sinh năm 1993 (có mặt);
19. Bà Lư Nữ Ngọc Đ1, sinh năm 1990 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Thôn BT, xã PH, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

- Người làm chứng:

1. Bà Dụng Thị M, sinh năm 1952 (vắng mặt);
2. Ông Lư Văn S, sinh năm 1947 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Thôn BT, xã PH, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn-Bà Tạ Thị C trình bày:

Vào năm 2000 gia đình bà C được Hợp tác xã Nông nghiệp BT có giao cho gia đình bà 01 ha đất. Sau đó có chương trình trồng điều lấy hạt nên gia đình bà Tạ Thị C đăng ký với UBND xã Ph lập danh sách để ký hợp đồng trồng điều với Lâm trường BB. Theo đó, gia đình bà Tạ Thị C có trồng điều trên diện tích 01 ha đất nói trên. Sau khi trồng, do không có điều kiện trực tiếp chăm sóc nên có nhờ bà Dụng Thị M trông coi. Đến năm 2011 gia đình bà Tạ Thị C lấy lại để ông V trông coi. Đến năm 2014 gia đình bà Tạ Thị C lấy lại đất để canh tác thì ông Nguyễn Văn V không đồng ý giao đất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đất tranh chấp xác định diện tích đất tranh chấp là 3.912,5m^2 và trên đất tranh chấp có một số tài sản sau:

- Cây thanh long: 265 trụ (trong đó 50 trụ trồng được 18 tháng và 215 trụ trồng được khoảng 12 tháng).

- Cây điều: 06 cây trồng được khoảng 20 năm.

- Cây dừa: 29 cây trồng được 12 tháng.

- Cây mãn cầu: 04 cây trồng dược khoảng 06 tháng.

- Hệ thống ống nước lắp đặt trên đất tranh chấp dùng để tưới cây thanh long.

- Trụ bê tông: 10 trụ trồng làm ranh đất.

Theo ông Nguyễn Văn V thì 265 trụ thanh long, 29 cây cây dừa, 04 cây mãn cầu, hệ thống nước lắp đặt trên đất tranh chấp dùng để tưới cây thanh long là của các con ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị X, gồm: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th, anh Nguyễn Văn Th2, anh Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Hoài Th1. Còn 10 trụ bê tông trồng làm ranh đất do vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Đặng Thị X trồng.

Vì vậy, bà Tạ Thị C yêu cầu ông Nguyễn Văn V, bà Đặng Thị X và các con ông Nguyễn Văn V, bà Đặng Thị X tháo dỡ, di dời các tài sản tồn tại trên 3.912,5m^2 đất tranh chấp, trả lại đất và 06 cây điều cho Bà và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan-Lư Hồng V1, Lư Thị Diệu H, Lư Hồng Th3, Lư Ngọc O, Lư Hồng Tr1, Lư Hồng H1, Lư Tạ Hồng L1, Lư Tạ Hồng Luận Lý, Lư Tạ Hồng Đ, Lư Nữ Ngọc Đ1.

Đối với bị đơn-ông Nguyễn Văn V: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn V không đến. Do đó, Tòa án không tiến hành lấy lời khai ông V được. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông V có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Ông Nguyễn Văn V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì theo ông V thì đất tranh chấp là do cha vợ ông V cho từ năm 1992, vợ chồng ông V canh tác ổn định và có trồng điều trên đó cho đến nay.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-Đặng Thị X, Nguyễn Thị Ngọc Th, Ức Xuân U, Nguyễn Hoài Th1, Ức Trao Nguyễn Nữ Tâm L, Nguyễn Hoài Th2, Huỳnh Thị Mỹ Ng, Nguyễn Văn B và Bá Thị Ái Tr: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến. Do đó, Tòa án không tiến hành lấy lời khai được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-Lư Hồng V1, Lư Thị Diệu H, Lư Hồng Th3, Lư Hồng Tr1, Lư Hồng H1, Lư Tạ Hồng L1, Lư Tạ Hồng Luận L2, Lư Tạ Hồng Đ, Lư Nữ Ngọc Đ1: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-Lư Ngọc O: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với người làm chứng Dụng Thị M: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà M không đến. Do đó, Tòa án không tiến hành lấy lời khai bà M được. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà M khai: Do bà Dụng Thị M có đất giáp ranh với hộ bà Tạ Thị C, nên hộ bà C có nhờ bà M trông coi điều trồng trên đất tranh chấp.

Đối với người làm chứng Lư Văn S: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông S không đến. Do đó, Tòa án không tiến hành lấy lời khai ông S được. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông S khai: Ông S không rõ nguồn gốc và vị trí đất tranh chấp, nhưng ông S khẳng định là ông S (chồng bà Dụng Thị M) có đất giáp ranh với đất hộ bà Tạ Thị C và có thấy vào năm 2000 hộ bà Tạ Thị C trồng điều nhưng không chăm sóc, còn việc hộ bà C có nhờ ai trông coi điều hay không thì ông S không biết.

Tại Bài phát biểu số 02/PB-VKS-DS, ngày 22/4/2022, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình đã có ý kiến về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn (có đơn xin xét xử vắng mặt) tham gia đầy đủ, đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn vắng mặt không có lý do đã vi phạm Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Thẩm phán chưa thu thập đầy đủ chứng cứ về nguồn gốc cũng như quá trình sử dụng đất tranh chấp nên Kiểm sát viên không có cơ sở xác định diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ai. Chưa làm rõ tài sản trên đất tranh chấp cụ thể là thuộc quyền sở hữu của ai. Đề nghị xác lập Lâm trường BB và Ủy ban nhân dân xã PH vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới đủ cơ sở giải quyết toàn diện vụ án. Vì vậy, Kiểm sát viên không có căn cứ để đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu và ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn bà Tạ Thị C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn V, bà Đặng Thị X trả lại 3.912,5m^2 đã lấn chiếm, 06 cây điều và yêu cầu ông Nguyễn Văn V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị X, Nguyễn Thị Ngọc Th, Ức Xuân U, Nguyễn Hoài Th1, Ức Trao Nguyễn Nữ Tâm L, Nguyễn Hoài Th2, Huỳnh Thị Mỹ Ng, Nguyễn Văn B và Bá Thị Ái Tr tháo dỡ, di dời các tài sản tồn tại trên 3.912,5m^2 đất tranh chấp tọa lạc tại xứ đồng TB, xã PH, huyện BB, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu trả lại tài sản và yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

- *Về việc vắng măt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng:* Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến. Việc các đương sự không đến Tòa làm việc là đã từ bỏ quyền trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn, gồm: Lư Hồng V1, Lư Thị Diệu H, Lư Hồng Th3, Lư Hồng H1, Lư Tạ Hồng Luận L2, Lư Nữ Ngọc Đ1 và

Lư Ngọc Th3 đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ngoài ra, chứng cứ của vụ án đã rõ ràng, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự và người làm chứng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tạ Thị C đối với bị đơn Nguyễn Văn V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị X, Nguyễn Thị Ngọc Th, Ức Xuân U, Nguyễn Hoài Th1, Ức Trao Nguyễn Nữ Tâm L, Nguyễn Hoài Th2, Huỳnh Thị Mỹ Ng, Nguyễn Văn B và Bá Thị Ái Tr về việc tháo dỡ, di dời các tài sản tồn tại trên 3.912,5m^2 đất tranh chấp, trả lại đất và 06 cây điều cho Bà và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-Lư Hồng V1, Lư Thị Diệu H, Lư Hồng Th3, Lư Ngọc O, Lư Hồng Tr1, Lư Hồng H1, Lư Tạ Hồng L1, Lư Tạ Hồng Luận L2, Lư Tạ Hồng Đ, Lư Nữ Ngọc Đ1, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1]. Về nguồn gốc đất tranh chấp: Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ đã xác định diện tích đất tranh chấp là 3.912,5m^2 được xác định bởi các điểm mốc tọa độ 2, 3, 6, 7, 8 (kèm bản vẽ) tọa lạc tại xứ đồng TB, xã PH, huyện BB. Đây là phần đất chưa được công nhận quyền sử dụng cho bất cứ đối tượng nào. Quá trình thu thập chứng cứ không thể thu thập được bất cứ tài liệu nào trực tiếp khẳng định về nguồn gốc đất tranh chấp. Tuy nhiên, tại hồ sơ đã thu thập được các chứng cứ sau:

- Lời khai của những người làm chứng là những người sử dụng đất giáp ranh đất tranh chấp (bà Dụng Thị M và ông Lư Văn S) về việc chứng kiến việc hộ bà Tạ Thị C từng trồng điều trên đất này từ năm 2000. Ngoài ra, người làm chứng bà Dụng Thị M còn cho rằng, sau khi hộ bà Tạ Thị C trồng điều có nhờ bà M trông coi một thời gian, sau đó hộ bà C nhờ ông Nguyễn Văn V trông coi.

- Tại nội dung Báo cáo số 100/BC-UBND ngày 27/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã PH khẳng định diện tích đất tranh chấp là của hộ bà Tạ Thị C, trong quá trình sử dụng đất ổn định từ năm 2000 cho đến năm 2011 giao cho ông Nguyễn Văn V trông coi, đến năm 2014 khi bà Tạ Thị C lấy lại đất để sản xuất thì xảy ra tranh chấp.

- Cũng tại Báo cáo số 100/BC-UBND ngày 27/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã PH này đã khẳng định có sự việc vào năm 2000, tại địa phương, cụ thể là tại Hợp tác xã BT đã thực hiện việc lập danh sách các hộ dân có đất có nhu cầu trồng điều để làm hợp đồng trồng điều với Lâm trường BB và điều kiện các hộ dân có đất tại thời điểm lập danh sách này (năm 2000) phải là hộ có đất đang sử dụng ổn định. Chứng tỏ, từ năm 2000, hộ bà C đang sử dụng đất này ổn định. Lâm trường BB không giao khoán đất cho các hộ dân, mà Lâm trường BB chỉ ký hợp đồng trồng điều với các hộ dân có đất, trong đó có hộ bà C 01ha và hộ ông V 0,5ha.

- Tồn tại thực tế hợp đồng trồng điều giữa hộ ông Lư Văn Th4 (chồng bà C) với Lâm trường BB ký năm 2000.

- Mặt khác, ngoài đất tranh chấp ra, hộ bà Tạ Thị C còn có một mảnh đất tiếp giáp với đất tranh chấp với diện tích 4281,5m^2 được xác định bởi các điểm mốc tọa độ 1, 2, 8, 9 (kèm bản vẽ) không ai tranh chấp, đây là diện tích đất nằm trong diện

tích đất 01 ha đất trồng điều đã được bà Dụng Thị M đề cập tới và ông V cũng có một thửa đất tiếp giáp với đất tranh chấp với diện tích 5743,5m^2 được xác định bởi các điểm mốc tọa độ 3, 4, 5, 6 (kèm bản vẽ).

Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn, người làm chứng không có mâu thuẫn với các tài liệu đã được thu thập. Việc tồn tại hợp đồng trồng điều và thực tế trên đất còn cây điều hơn 20 năm tuổi đã khẳng định diện tích đất đang tranh chấp được hộ bà C sử dụng ổn định từ trước năm 2000. Việc hộ bà C sử dụng đất này ổn định từ trước thời điểm năm 2000 cũng đồng nghĩa với việc phủ định lời trình bày của ông Nguyễn Văn V cho rằng đất là của phía nhà vợ Ông và Ông canh tác từ năm 1992 cho đến nay. Mặt khác, ông V đưa ra lời trình bày nhưng không xuất trình tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Đồng thời, không có bất cứ tài liệu nào chứng minh cho nguồn gốc đất này thuộc về bên phía nhà vợ của ông V.

Do đó, việc nguyên đơn bà Tạ Thị C yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Đặng Thị X trả lại 06 cây điều và 3.912,5m^2 đất tọa lạc tại xứ đồng TB, xã PH, huyện Bắc Bình cho Bà và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-Lư Hồng V1, Lư Thị Diệu H, Lư Hồng Th3, Lư Ngọc O, Lư Hồng Tr1, Lư Hồng H1, Lư Tạ Hồng L1, Lư Tạ Hồng Luận L2, Lư Tạ Hồng Đ, Lư Nữ Ngọc Đ1 là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2]. *Đối với tài sản trên đất tranh chấp:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ xác định trên đất tranh chấp gồm các tài sản sau: Cây thanh long: 265 trụ (trong đó 50 trụ trồng được 18 tháng và 215 trụ trồng được khoảng 12 tháng), cây dừa: 29 cây trồng được 12 tháng, cây mãn cầu: 04 cây trồng được khoảng 06 tháng, hệ thống nước lắp đặt trên đất tranh chấp dùng để tưới cây thanh long. Theo ông V, bà X thì các tài sản này là của các con ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị X, gồm: Chị Nguyễn Thị Ngọc Th, anh Nguyễn Văn Th2, anh Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Hoài Th1; còn 10 trụ bê tông trồng làm ranh đất do vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Đặng Thị X trồng. Việc ông V, bà X cho biết các tài sản trên đất tranh chấp là của vợ chồng ông V, bà X và các con ông V, bà X. Do quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng các đương sự không hợp tác, nên Tòa án không thể xác định cụ thể từng tài sản trên đất tranh chấp là của ai. Mặc dù vậy, nhưng chỉ cần căn cứ vào lời trình của ông V, bà X cũng đủ để xác định các tài sản trên đất là của vợ chồng ông V, bà X và các con ông V, bà X. Vì việc ông V, bà X trình bày là có sự chứng kiến của Đại diện chính quyền địa phương và những người cùng tham gia tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/02/2020. Lời trình bày của ông V, bà X là tự nguyện, không bị ai đe dọa hay ép buộc, nên thể hiện được tính công khai và khách quan.

Đối với đất đang tranh chấp, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị X và các con của ông V, bà X cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, đối với đất đang tranh chấp, bà Tạ Thị C đã khởi kiện từ năm 2016, ông Nguyễn Văn V, bà Đặng Thị X và các con ông V, bà X biết rõ là đất đang

tranh chấp và Tòa án đang thụ lý giải quyết, nhưng vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Đặng Thị X và các con của ông V, bà X cố tình tác động vào đất tranh chấp *(Trồng và lắp đặt một số tài sản trên đất tranh chấp)*.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải buộc ông Nguyễn Văn V, bà Đặng Thị X, Nguyễn Thị Ngọc Th, Ức Xuân U, Nguyễn Hoài Th1, Ức Trao Nguyễn Nữ Tâm L, Nguyễn Hoài Th2, Huỳnh Thị Mỹ Ng, Nguyễn Văn B và Bá Thị Ái Tr phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại đất cho hộ bà Tạ Thị C.

[3]. Đối ý kiến của Vị đại diện viện kiểm sát:

Vị đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xác minh làm rõ nguồn gốc đất tranh chấp. Về vấn đề nay, Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ liên quan đến đất tranh chấp từ cơ quan có chức năng quản lý đất đai và đã được cơ quan quản lý đất đai tại địa phương có văn bản cung cấp thông tin một cách đầy đủ, cụ thể: Ủy ban nhân dân xã PH đã có Báo cáo số 100/BC-UBND ngày 27/9/2019 khẳng định diện tích đất tranh chấp là của hộ bà Tạ Thị C, trong quá trình sử dụng đất ổn định từ năm 2000 cho đến năm 2011 giao cho ông Nguyễn Văn V trông coi, đến năm 2014 khi bà Tạ Thị C lấy lại đất để sản xuất thì xảy ra tranh chấp. Nội dung báo cáo của Ủy ban nhân dân xã PH đã được Ủy ban nhân dân huyện BB xác nhận tại Công văn số 1268/UBND-NC ngày 11/6/2021. Việc cơ quan quản lý đất đai tại địa phương khẳng định về nguồn gốc đất như trên là đúng thẩm quyền; đồng thời, phù hợp với lời khai người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, như đã nhận định ở trên.

Về việc đề nghị xác lập Lâm trường BB cùng Ủy ban nhân dân xã PH vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, HĐXX nhận thấy: Việc giải quyết vụ án tranh chấp đất đai giữa các đương sự trong vụ án này không làm phát sinh bất cứ quyền hay nghĩa vụ nào đối với Lâm trường BB (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ SM) và Ủy ban nhân dân xã PH đồng thời sẽ làm kéo dài thêm quá trình tố tụng, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Các vấn đề còn lại được nêu trong bài phát biểu của Viện kiểm sát đã được nhận định đầy đủ tại các mục của phần nhận định của Tòa án nên không lặp lại.

Vì vậy, những đề nghị được nêu tại bài phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát là không cần thiết.

[4]. *Về án phí:*

Do yêu cầu khởi kiện *(Yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu trả lại 06 cây điều và yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất tranh chấp)* của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông Nguyễn Văn V, bà Đặng Thị X, Nguyễn Thị Ngọc Th, Ức Xuân U, Nguyễn Hoài Th1, Ức Trao Nguyễn Nữ Tâm L, Nguyễn Hoài Th2, Huỳnh Thị Mỹ Ng, Nguyễn Văn B và Bá Thị Ái Tr phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. *Về chi phí tố tụng:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn V, bà Đặng Thị X, Nguyễn Thị Ngọc Th, Ức Xuân U,

Nguyễn Hoài Th1, Ức Trao Nguyễn Nữ Tâm L, Nguyễn Hoài Th2, Huỳnh Thị Mỹ Ng, Nguyễn Văn B và Bá Thị Ái Tr phải chịu chi phí định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại các Điều 157, 158, 165 và 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 244, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 164 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Thị C:

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Đặng Thị X trả lại 06 cây điều và 3.912,5m^2 đất (Theo các điểm mốc tọa độ 2, 3, 6, 7, 8) tọa lạc tại xứ đồng TB, xã PH, huyện BB cho bà Tạ Thị C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan-Lư Hồng V1, Lư Thị Diệu H, Lư Hồng Th3, Lư Ngọc O, Lư Hồng Tr1, Lư Hồng H1, Lư Tạ Hồng L1, Lư Tạ Hồng Luận L2, Lư Tạ Hồng Đ, Lư Nữ Ngọc Đ1.

(Đính kèm Bản vẽ sơ đồ vị trí đất tranh chấp ngày 01/3/2019).

- Buộc ông Nguyễn Văn V, bà Đặng Thị X, Nguyễn Thị Ngọc Th, Ức Xuân U, Nguyễn Hoài Th1, Ức Trao Nguyễn Nữ Tâm L, Nguyễn Hoài Th2, Huỳnh Thị Mỹ Ng, Nguyễn Văn B và Bá Thị Ái Tr phải tháo dỡ, di dời 265 trụ cây thanh long, 29 cây dừa, 04 cây mãn cầu, toàn bộ hệ thống ống nước lắp đặt trên đất tranh chấp dùng để tưới cây thanh long và 10 trụ bê tông.

2. Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Văn V, bà Đặng Thị X phải chịu 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm *(Đối với yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu trả lại 06 cây điều trên đất tranh chấp)*.

- Buộc ông Nguyễn Văn V, bà Đặng Thị X, Nguyễn Thị Ngọc Th, Ức Xuân U, Nguyễn Hoài Th1, Ức Trao Nguyễn Nữ Tâm L, Nguyễn Hoài Th2, Huỳnh Thị Mỹ Ng, Nguyễn Văn B và Bá Thị Ái Tr phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm *(Đối với yêu cầu tháo dỡ, di dời tài sản trên đất tranh chấp)*

- Hoàn trả lại cho bà Tạ Thị C 925.000đ *(Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng phí đã nộp theo các Biên lai thu số 0009058 ngày 09/11/2016 và số 0015415 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000đồng, bà Tạ Thị C đã tạm nộp 1.500.000đồng, nên buộc ông Nguyễn Văn

V, bà Đặng Thị X, Nguyễn Thị Ngọc Th, Ức Xuân U, Nguyễn Hoài Th1, Ức Trao Nguyễn Nữ Tâm L, Nguyễn Hoài Th2, Huỳnh Thị Mỹ Ng, Nguyễn Văn B và Bá Thị Ái Tr phải hoàn trả lại cho bà Tạ Thị C 1.500.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/4/2022); đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th1 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Th1;
- VKSND huyện B.Bình;
- THADS huyện B.Bình;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Thanh Trúc Tuyền